

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6631** /BKHT-KTDV

V/v đánh giá Chương trình
mục tiêu phát triển hạ tầng du
lịch giai đoạn 2016-2020

Hà Nội, ngày **13** tháng 9 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Thực hiện Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 1861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch giai đoạn 2016-2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình), trong những năm vừa qua, ngân sách Trung ương đã hỗ trợ nguồn vốn cho các địa phương để xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch nhằm thực hiện các mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Để có cơ sở tổng kết, đánh giá hiệu quả của Chương trình, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét các định hướng, mục tiêu phát triển của ngành du lịch trong giai đoạn tới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Ủy ban:

1. Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch giai đoạn 2016-2019, trong đó nêu rõ:

- Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch giai đoạn 2016-2019: Tổng vốn được giao giai đoạn 2016-2019; Tỷ lệ % kế hoạch đã giao đến hết năm 2019 trong kế hoạch trung hạn 2016-2020. Trong đó:

- + Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương;
- + Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương;
- + Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);
- + Vốn huy động hợp pháp khác.

- Báo cáo cụ thể từng dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch giai đoạn 2016-2019 đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch hàng năm của địa phương bao gồm: Quyết định phê duyệt dự án, tổng mức đầu tư được phê duyệt, nguồn vốn ngân sách trung ương, nguồn vốn ngân sách địa phương, nguồn vốn ODA (nếu có), các nguồn vốn huy động hợp pháp khác; tổng kinh phí đã được bố trí cho từng dự án từ khi khởi công đến nay và lũy kế giải ngân của từng dự án đến nay (theo Phụ lục đính kèm).

- Báo cáo cụ thể từng dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch đầu tư theo hình thức đối tác công-tư (nếu có) bao gồm: Quyết định phê duyệt dự án, tổng mức đầu tư được phê duyệt, nguồn vốn của dự án, tổng kinh phí đã được bố trí cho từng dự án từ khi khởi công đến khi hoàn thành và lũy kế giải ngân của từng dự án đến khi hoàn thành.

- Báo cáo cụ thể từng dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch sử dụng nguồn vốn vay ODA bao gồm: Quyết định phê duyệt dự án, tổng mức đầu tư được phê duyệt, nguồn vốn nước ngoài, nguồn vốn đối ứng, nguồn vốn ODA, kế hoạch vốn đã bố trí, số vốn đã giải ngân thực tế, số vốn giải ngân đã ghi thu, ghi chi.

- Báo cáo cụ thể từng dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2019 bao gồm: Quyết định phê duyệt dự án, tổng mức đầu tư được phê duyệt, nguồn vốn của dự án, tổng kinh phí đã được bố trí cho từng dự án từ khi khởi công đến khi hoàn thành và lũy kế giải ngân của từng dự án đến khi hoàn thành.

- Cung cấp thông tin về các dự án thuộc Chương trình theo biểu mẫu (Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2).

2. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch giai đoạn 2016-2019 với một số nội dung chủ yếu sau:

- Đánh giá hiệu quả của Chương trình đối với mục tiêu phát triển du lịch nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung của địa phương (lượng khách du lịch tăng %, doanh thu từ du lịch đóng góp cho GRDP địa phương, tạo công ăn việc làm, số lượng dự án (đầu tư trong nước) đầu tư vào Khu du lịch quốc gia, số lượng dự án (đầu tư nước ngoài) đầu tư vào Khu du lịch quốc gia, số lượng cơ sở lưu trú tăng %).

- Đánh giá tác động lan toả của Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch giai đoạn 2016-2019, cụ thể: từ nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương với tính chất là nguồn “vốn môi” đã giúp thu hút thêm các nguồn vốn khác như vốn ngân sách địa phương, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn huy động hợp pháp khác cho đầu tư phát triển hạ tầng du lịch.

- Vai trò của nguồn vốn đầu tư từ Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch đối với việc hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng du lịch của địa phương, vùng (đối với các dự án có tính chất liên vùng).

- Đánh giá chung các kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

- Đề xuất giải pháp, kiến nghị, định hướng trong giai đoạn tiếp theo.

Báo cáo bằng văn bản của Quý Ủy ban đề nghị gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 30/9/2019.

3. Trên cơ sở thông tin, báo cáo của các địa phương, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với vai trò là cơ quan chủ quản Chương trình, đánh giá tổng thể Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch giai đoạn 2016-2020, đề xuất các giải pháp, kiến nghị, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/10/2019 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong nhận được sự phối hợp chặt chẽ của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để phối hợp);
- Lưu VT, KTDV, H (54).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Thành Thống

PHỤ LỤC SỐ 1



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành theo Công văn số **6631** /BKHDT-KTĐV ngày **13** tháng **9** năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng giai đoạn	Tỷ lệ (%) so với mục tiêu
1	Số lượng khách du lịch nội địa	Người							
2	Số lượng khách du lịch quốc tế	Người							
3	Tổng thu từ du lịch đóng góp cho GDP địa phương	VND							
4	Tạo công ăn việc làm cho du lịch	Người						-	
5	Số lượng dự án (đầu tư trong nước) đầu tư vào Khu DLQG	Dự án							
6	Số lượng dự án (đầu tư nước ngoài) đầu tư vào Khu DLQG	Dự án							
7	Số lượng cơ sở lưu trú	buồng						-	

(Ban hành theo Công văn số: **6631** /BKHDT-KTDV ngày **13** tháng 9 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

[illegible]

DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG GỬI VĂN BẢN

1	Hà Giang	30	Phú Yên
2	Tuyên Quang	31	Ninh Thuận
3	Cao Bằng	32	Bình Thuận
4	Lạng Sơn		TÂY NGUYÊN
5	Lào Cai	33	Đắc Lắc
6	Yên Bái	34	Đắc Nông
7	Thái Nguyên	35	Gia Lai
8	Bắc Kạn	36	Kon Tum
9	Phú Thọ	37	Lâm Đồng
10	Bắc Giang		ĐÔNG NAM BỘ
11	Hoà Bình	38	Bình Phước
12	Sơn La	39	Tây Ninh
13	Lai Châu		ĐÔNG BẮNG SÔNG CỬU LONG
14	Điện Biên	40	Long An
	ĐÔNG BẮNG SÔNG HỒNG	41	Tiền Giang
15	Hải Dương	42	Bến Tre
16	Hưng Yên	43	Trà Vinh
17	Hà Nam	44	Vĩnh Long
18	Nam Định	45	Hậu Giang
19	Ninh Bình	46	Sóc Trăng
20	Thái Bình	47	An Giang
	MIỀN TRUNG	48	Đồng Tháp
21	Thanh Hoá	49	Kiên Giang
22	Nghệ An	50	Bạc Liêu
23	Hà Tĩnh	51	Cà Mau
24	Quảng Bình		
25	Quảng Trị		
26	Thừa Thiên - Huế		
27	Quảng Nam		
28	Quảng Ngãi		
29	Bình Định		